

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (Hạ Lang)

Môn: Phần A.V, VI. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Thắm Thị Bạch	7,00	Bảy	41	Triệu Thúy Mơ	6,50	Sáu phẩy năm
2	Triệu Thị Chiêm	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị My	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Chinh	7,00	Bảy	43	Nông Văn Nam	7,00	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Nông Thị Hoàng Nga	6,50	Sáu phẩy năm
5	Nông Thị Chuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Lã Thị Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Đàm Bích Diệp	7,00	Bảy	46	Đường Văn Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
7	Phạm Thị Dịu	8,00	Tám	47	Phùng Ánh Nguyệt	8,00	Tám
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	8,00	Tám
9	Hoàng Thị Định	6,00	Sáu	49	Trần Thị Phương	6,50	Sáu phẩy năm
10	Bé Thị Đoan	6,00	Sáu	50	Phạm Thị Phượng	8,00	Tám
11	Nông Thị Hồng Gấm	7,00	Bảy	51	Nông Thị Quy	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Phùng Thị Thu Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Nông Thị Riên	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Hoàng Văn Hành	6,00	Sáu	53	Nông Văn Siên	5,00	Năm
14	Hoàng Minh Hậu	5,00	Năm	54	Hoàng Thị Tâm	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	55	Nông Thị Thạch	6,00	Sáu
16	Đàm Văn Hiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	56	Đinh Việt Thiện	7,00	Bảy
17	Hoàng Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Mã Thị Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
18	Phan Triệu Học	6,75	Sáu phẩy bảy năm	58	Nông Thị Thoa	7,50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Hồng	6,50	Sáu phẩy năm	59	Bé Văn Thoại	7,00	Bảy
20	Nông Thị Hợp	8,00	Tám	60	Nông Thị Thu	7,00	Bảy
21	Nông Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	61	Nông Ngọc Thụ	6,75	Sáu phẩy bảy năm
22	Triệu Bích Huệ	5,00	Năm	62	Mã Thị Thương	8,00	Tám

Uk

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	5,00	Năm	63	Hà Văn Thượng	6,50	Sáu phẩy năm
24	Nông Thanh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Mã Thị Thùy	7,00	Bảy
25	Đàm Thị Hương	5,00	Năm	65	Nông Linh Thủy	8,00	Tám
26	Hoàng Thị Bích Huyền	6,25	Sáu phẩy hai năm	66	Lương Thị Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	7,00	Bảy	67	Hoàng Văn Tú	6,00	Sáu
28	Đường Thị Kết	7,50	Bảy phẩy năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	6,50	Sáu phẩy năm
29	Lương Thị Vân Khánh	7,00	Bảy	69	Bạch Văn Tùng	6,50	Sáu phẩy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7,00	Bảy	70	Phạm Thị Tươi	7,00	Bảy
31	Lương Thị Liễu	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Triệu Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Linh	7,50	Bảy phẩy năm	72	Trần Thị Tuyết	6,50	Sáu phẩy năm
33	Hoàng Thị Loan	5,00	Năm	73	Bế Thị Ánh Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
34	La Thị Loan	8,00	Tám	74	Lộc Thị Vân	8,00	Tám
35	Nông Thị Thanh Loan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Thị Vân	6,00	Sáu
36	Phạm Minh Loan	8,00	Tám	76	Nông Thị Vân	6,00	Sáu
37	Hà Thị Luyên	8,00	Tám	77	Lộc Thị Viên	6,00	Sáu
38	Nông Thị Luyên	6,25	Sáu phẩy hai năm	78	Chu Văn Xuyên	6,00	Sáu
39	Đàm Thị Mến	8,25	Tám phẩy hai năm	79	Hứa Văn Du	6,75	Sáu phẩy bảy năm
40	Long Nông Nữ Minh	7,5	Bảy phẩy năm				

Điểm 5,00: 06 điểm; Điểm 6,00: 09 điểm; Điểm 6,25: 02 điểm; Điểm 6,50: 08 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 14 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 18 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Ưu

Thanh



Bế Thị Hương

Đoàn Thị Vân thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa